

Sự phê phán lý tính công cụ của trường phái Frankfurt và ý nghĩa trong bối cảnh xã hội công nghệ hiện đại

Ngày nhận bài: 03/06/2026 | Ngày phản biện: 10/06/2026 | Ngày xuất bản: 17/08/2026

Tác giả: Nguyễn Thành Nam (Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Nam Định; NCS. K29.1; ngành học: Triết học; Học viện Báo chí và Tuyên truyền)

Tóm tắt: Bài viết làm rõ sự phê phán lý tính công cụ của trường phái Frankfurt. Theo các đại biểu của trường phái là Max Horkheimer, Theodor Adorno, Herbert Marcuse và Jürgen Habermas, thay vì khai sáng và đem đến tự do, lý tính lại bị tha hóa thành lý tính công cụ, bị mất đi năng lực phủ định và chiều cạnh phê phán. Thay vì lý tưởng giải phóng con người, lý tính ấy lại trở thành một hệ tư tưởng, thành công cụ thống trị chính bản thân con người, trói chặt họ vào guồng máy vận hành của xã hội công nghiệp. Thông qua việc làm rõ sự phê phán lý tính công cụ của trường phái Frankfurt, bài viết chỉ ra ý nghĩa cảnh báo của sự phê phán này đối với nguy cơ con người bị thống trị bởi những công nghệ do mình tạo ra. Bài viết cũng nhấn mạnh ý nghĩa thức tỉnh của nó trong việc phục hồi năng lực phủ định, năng lực phê phán của lý tính trong bối cảnh xã hội công nghệ hiện đại.

1. Đặt vấn đề

Trong xã hội hiện đại, khoa học - công nghệ ngày càng đóng vai trò quan trọng đối với đời sống. Tuy nhiên, trong điều kiện cạnh tranh toàn cầu gay gắt như hiện nay, các thành tựu khoa học - công nghệ thường được sử dụng như phương tiện để tối ưu hóa sản xuất và nâng cao năng lực cạnh tranh. Các công nghệ như trí tuệ nhân tạo (AI), dữ liệu lớn (Big Data), tự động hóa, công nghệ giám sát và cả công nghệ sinh học đều được sử dụng như phương tiện để tối đa hóa hiệu quả quản lý và lợi ích kinh tế - kỹ thuật. Đặc trưng cạnh tranh, tính toán lợi nhuận và tối ưu hóa hiệu suất của xã hội tư bản hiện đại làm lý tính có xu hướng mất đi chiều cạnh phê phán và bị giảm thu thành lý tính công cụ. Trong bối cảnh này, sự phê phán lý tính công cụ của trường phái

Frankfurt trở nên có ý nghĩa cấp thiết. Bài viết làm rõ sự phê phán lý tính công cụ của các đại biểu trường phái Frankfurt, từ đó làm rõ ý nghĩa của nó đối với việc nhận thức các nguy cơ tha hóa, thao túng và kiểm soát con người trong xã hội công nghệ hiện đại. Nghiên cứu đặt ra câu hỏi: trường phái Frankfurt phê phán lý tính công cụ như thế nào và sự phê phán ấy có giá trị gì trong việc nhận thức những vấn đề của xã hội công nghệ hiện đại? Điểm mới của bài viết là đặt lý luận phê phán của trường phái Frankfurt vào bối cảnh xã hội công nghệ hiện đại để vạch ra, làm rõ ý nghĩa của phê phán đó đối với việc định hướng sự phát triển của khoa học – công nghệ.

2. Phương pháp nghiên cứu

Bài viết sử dụng cách tiếp cận định tính, kết hợp nhiều phương pháp nghiên cứu nhằm làm rõ nội dung quan điểm của trường phái Frankfurt về lý tính công cụ, sự phê phán lý tính công cụ và ý nghĩa của sự phê phán này trong bối cảnh xã hội công nghệ hiện đại.

Phương pháp chủ yếu là nghiên cứu tài liệu. Tác giả xây dựng bài viết chủ yếu dựa trên việc nghiên cứu, phân tích các tác phẩm tiêu biểu của các đại biểu trường phái Frankfurt là Max Horkheimer, Theodor Adorno, Herbert Marcuse và Jürgen Habermas để rút ra những nội dung cơ bản trong quan niệm của các đại biểu này về lý tính công cụ và sự phê phán đối với lý tính công cụ.

Tác giả còn sử dụng phương pháp lịch sử – lôgic. Phương pháp này được sử dụng để làm rõ sự liên hệ về tư tưởng, sự kế thừa và phát triển quan điểm về lý tính công cụ, về sự phê phán lý tính công cụ của các đại biểu trường phái này theo trình tự thời gian.

Bên cạnh đó, bài viết còn sử dụng phương pháp lý luận – thực tiễn. Phương pháp này được sử dụng để liên hệ sự phê phán lý tính công cụ của trường phái Frankfurt với thực tiễn ứng dụng các công nghệ hiện đại như AI, Big Data, tự động hóa và công nghệ sinh học hiện đại nhằm làm rõ ý nghĩa, giá trị của sự phê phán này trong bối cảnh xã hội công nghệ hiện đại.

3. Kết quả và thảo luận

3.1. Kết quả nghiên cứu

3.1.1. Sự phê phán lý tính công cụ của trường phái Frankfurt

Khái quát về trường phái Frankfurt và quan niệm về lý tính công cụ

Trường phái Frankfurt là một trào lưu tư tưởng lớn ở phương Tây thế kỷ XX. Các đại biểu tiêu biểu của trường phái này là Max Horkheimer, Theodor W. Adorno, Herbert Marcuse, Erich Fromm và Jürgen Habermas. Về mặt lịch sử, “lịch sử trường phái Frankfurt bắt đầu ở nước Đức từ thời điểm Horkheimer lên giữ chức Viện trưởng Viện nghiên cứu xã hội trực thuộc Đại học Frankfurt” (Nguyễn Chí Hiếu - Đỗ Minh Hợp, 2013, tr.28). Từ Horkheimer, trường phái Frankfurt đã có sự chuyển biến trọng tâm phê phán chủ nghĩa tư bản từ phương diện kinh tế sang phương diện ý thức hệ và văn hóa. Nếu Mác chủ yếu phân tích tình trạng tha hóa của con người trong lĩnh vực lao động sản xuất thì các nhà tư tưởng Frankfurt lại làm rõ một hình thức tha hóa mới của con người trong xã hội tư bản hiện đại - đó là sự tha hóa về mặt tinh thần. Sự tha hóa ấy là ở chỗ con người hiện đại bị mất đi năng lực phủ định và chiều cạnh phê phán của lý tính. Theo họ, trong xã hội hiện đại, lý tính đã bị tha hóa thành lý tính công cụ, tức kiểu lý tính chỉ chú trọng đến phương tiện và hiệu quả thực dụng mà đánh mất năng lực phản tư, phê phán và định hướng giá trị. Sự thống trị của lý tính công cụ khiến con người bị gán ghép các nhu cầu giả tạo, bị dẫn dắt bởi ngành công nghiệp văn hóa và bị đồng hóa một cách tự nguyện vào cấu trúc của xã hội công nghiệp.

Max Horkheimer là người đầu tiên tiến hành phê phán mạnh mẽ lý tính công cụ. Trong tác phẩm Sự suy tàn của lý tính (Eclipse of reason) (Max Horkheimer, 2004), ông làm rõ quá trình ra đời của lý tính công cụ thông qua phân tích sự chuyển biến từ lý tính khách quan sang lý tính chủ quan trong lịch sử tư duy châu Âu.

Theo Horkheimer, các hệ thống triết học trong lịch sử từ triết học thời cổ đại của Platôn và Aristot, triết học kinh viện và triết học duy tâm cổ điển Đức đều được xây dựng trên một lý thuyết khách quan về lý tính. Lý thuyết này “khẳng định lý tính không chỉ có trong tâm trí cá nhân mà còn có trong cả thế giới khách quan” (Max Horkheimer, 2004, p.4), trong tự nhiên và trong các thiết chế xã hội.

Đến thời kỳ khai sáng, các hệ thống triết học này chịu sự công phá mạnh mẽ của lý tính chủ quan. Lý tính chủ quan, tức năng lực tư duy phê phán của cá nhân, trong khi phê phán tính chất không thể kiểm chứng của các mê tín, các huyền thoại và các hệ thống triết học, đã dần đồng nhất mình với các tiêu chuẩn mang tính thực chứng và

thực dụng của nó. Đến thời hiện đại ở thế kỷ XX, lý tính đã bộc lộ xu hướng giải thể nội dung khách quan của chính nó, tức từ bỏ vai trò phán xét giá trị và tiêu chuẩn đạo đức, khi coi chúng như những thứ không thể kiểm chứng. Đối với nó, các mệnh đề như “công lý và tự do tự thân tốt hơn bất công và áp bức là điều không thể kiểm chứng về mặt khoa học và vô dụng” (Max Horkheimer, 2004, p.16). Theo Horkheimer, lý tính chủ quan lúc này không còn nội dung khách quan để tự định hướng nữa, nó bị giảm thu thành lý tính công cụ và “dễ uốn nắn theo các lợi ích đang chiếm ưu thế” (Max Horkheimer, 2004, p.10). Khi lý tính chủ quan trở thành lý tính công cụ, nó chỉ quan tâm đến phương tiện thay vì thấu hiểu các mục đích. Nó “ít coi trọng câu hỏi liệu bản thân các mục đích đó có hợp lý hay không” (Max Horkheimer, 2004, p.3) mà chỉ chú trọng đến hiệu quả thực dụng có thể kiểm chứng. Khi lý tính bị chủ thể hoá, nó cũng trở nên hình thức hoá và “bị thanh tẩy một cách triệt để khỏi bất kỳ xu hướng hay sở thích cụ thể nào, đến mức cuối cùng nó từ bỏ ngay cả nhiệm vụ phán xét các hành động và lối sống của con người” (Max Horkheimer, 2004, p.6)

Theo Horkheimer, lý tính lúc này bị biến thành phương tiện sinh tồn đơn thuần của con người, thành công cụ để thống trị giới tự nhiên. Nhưng để thống trị giới tự nhiên thì con người cũng đồng thời phải “khuất phục tự nhiên ngay trong chính bản thân mình” (Max Horkheimer, 2004, p.64), phải tự làm suy yếu tính chủ thể của mình để thích nghi với hệ thống, phải từ bỏ bản sắc riêng để bắt chước các quy trình xã hội nhằm sinh tồn, phải “hy sinh những tiềm năng của mình cho sự sẵn sàng và khả năng tuân thủ cũng như giành được ảnh hưởng trong các tổ chức ấy” (Max Horkheimer, 2004, p.96), phải chấp nhận đồng hoá vào tổ chức và mất đi khả năng phê phán thực tại.

Sự thống trị của lý tính công cụ khiến con người chỉ nhìn nhận nhau thông qua lăng kính hiệu quả. Theo Horkheimer, “những khuôn mẫu trong cách nhân loại nhìn vào tự nhiên cuối cùng phản chiếu trở lại và quy định hình ảnh về con người trong tâm trí nhân loại” (Max Horkheimer, 2004, p.74). Con người lúc này nhìn nhận đồng loại chỉ đơn thuần như những nguyên liệu, những nguồn lực cho những mục đích kinh tế - kỹ thuật. Điều dễ thấy là trong sản xuất, “các nhà lãnh đạo kiểm soát nguồn cung lao động, giống như những người đứng đầu các tập đoàn lớn kiểm soát nguồn nguyên liệu thô, máy móc hoặc các yếu tố sản xuất khác” (Max Horkheimer, 2004, p.100).

Phê phán lý tính công cụ như cơ chế thống trị con người

Trong tác phẩm *Biện chứng của sự khai sáng* (Dialectic of enlightenment) Max Horkheimer & Theodor W. Adorno, 2002), Horkheimer và Adorno đã phê phán gay gắt lý tính công cụ ở chỗ, thay vì khai sáng và đem đến tự do, nó lại trở thành phương tiện thống trị toàn diện con người. Theo hai ông, trong quá trình phát triển của khoa học tự nhiên, đến thời kỳ khai sáng, lý tính đã “bị vật hoá thành một quy trình tự động, bắt chước chính cỗ máy mà nó tạo ra, để rồi cuối cùng có thể bị cỗ máy ấy thay thế” (Max Horkheimer & Theodor W. Adorno, 2002, p.19). Lý tính lúc này không còn được hiểu là quá trình phản tư hay phê phán nữa, mà thông qua toán học và khoa học thực nghiệm, bị biến thành công cụ tính toán đơn thuần, thành lôgic hình thức. Nó coi các quy trình kỹ thuật của xã hội như điều hiển nhiên không thể khác, và con người không còn đứng ngoài quá trình ấy để suy tư, phản biện mà đã trở thành một bộ phận cấu thành với nó, đồng nhất với nó, “vật hoá thành chính nó” (Max Horkheimer & Theodor W. Adorno, 2002, p.23). Hai ông nhấn mạnh rằng, khi lý tính bị biến thành công cụ, không còn khả năng phản tư, phê phán và định hướng giá trị thì nó “trở thành công cụ thuần túy của các mục đích” (Max Horkheimer & Theodor W. Adorno, 2002, p.23) và có thể phục vụ cho bất kỳ thế lực nào, kể cả chủ nghĩa phát-xít.

Horkheimer và Adorno cho rằng, với sự chi phối của lý tính công cụ, sự thống trị lúc này đã trở thành một tất yếu kỹ thuật, buộc con người phải tuân theo một cách tự giác như một “hệ quả tất yếu về mặt lôgic của xã hội công nghiệp” (Max Horkheimer & Theodor W. Adorno, 2002, p.29). Horkheimer và Adorno coi đây là hình thức tha hoá của xã hội hiện đại. Sự tha hoá là ở chỗ các phương tiện, quy trình kỹ thuật này đáng lẽ được tạo ra để phục vụ con người lại biến thành công cụ thống trị ngược trở lại con người.

Theo Horkheimer và Adorno, ngành công nghiệp văn hoá là sự áp dụng triệt để lý tính công cụ vào lĩnh vực văn hoá tinh thần. Sự thống trị của lý tính công cụ trong lĩnh vực này thể hiện ở chỗ, nó đã kỹ thuật hoá cả nghệ thuật, đã triệt tiêu tính sáng tạo và biến nghệ thuật thành phương tiện giải trí đồng nhất, rập khuôn. Hai ông viết: “văn hóa ngày nay đang lay nhiễm sự đồng nhất cho mọi thứ. Điện ảnh, đài phát thanh và tạp chí tạo thành một hệ thống. Mỗi ngành văn hóa đồng nhất trong chính nó và tất cả đều đồng nhất với nhau” (Max Horkheimer & Theodor W. Adorno, 2002, p.94). Chính các

sản phẩm đồng dạng này của ngành công nghiệp văn hoá đã tạo ra những con người đồng dạng, dễ bị đồng hoá và thao túng.

Theo hai ông, các sản phẩm của ngành công nghiệp văn hoá được sản xuất theo tiêu chuẩn của lý tính công cụ để dễ tiêu thụ, tối đa hoá người xem. Mỗi sản phẩm đều được sản xuất để hướng tới hình thành gu tiêu thụ văn hoá của quần chúng, để khuôn mẫu hoá cảm xúc, hành vi của họ, để nhào nặn họ thành những con người đồng nhất với hệ thống, không phản kháng, loại bỏ sự tưởng tượng cũng như khả năng suy nghĩ độc lập ở họ và để đảm bảo rằng “sự tái sản xuất đơn thuần của tinh thần sẽ không dẫn tới sự mở rộng của tinh thần” (Max Horkheimer & Theodor W. Adorno, 2002, p.100). Lý tính công cụ đặt yêu cầu cho công nghiệp văn hoá, khiến nó “chỉ quan tâm đến con người như những khách hàng và những người lao động, và trên thực tế đã giản lược toàn thể nhân loại cũng như từng cá nhân vào công thức triệt để ấy” (Max Horkheimer & Theodor W. Adorno, 2002, p.118). Nó đòi hỏi nhìn nhận con người chỉ như những đối tượng tiêu dùng thuần tuý và chỉ có ý nghĩa khi họ tham gia vào quá trình này.

Trong tác phẩm Con người một chiều (One-dimensional man) (Herbert Marcuse, 1991), Herbert Marcuse đã kế thừa, phát triển khái niệm “lý tính công cụ” của Horkheimer và Adorno thành khái niệm “tính hợp lý công nghệ”.

Theo Marcuse, “tính hợp lý công nghệ” là khuôn mẫu tổ chức, vận hành đặc trưng của xã hội hiện đại, cả trên phương diện sản xuất vật chất lẫn đời sống tinh thần. Với ý nghĩa này, tính hợp lý công nghệ trở thành công cụ thống trị và kiểm soát toàn diện con người. Marcuse viết: “Do cách mà nó đã tổ chức nền tảng công nghệ của mình, xã hội công nghiệp đương đại có xu hướng trở thành toàn trị. Bởi lẽ toàn trị không chỉ là sự phối hợp xã hội mang tính chính trị - khủng bố, mà còn là một sự phối hợp kinh tế - kỹ thuật không mang tính khủng bố, vận hành thông qua việc thao túng các nhu cầu bởi những lợi ích đã được cố kết” (Herbert Marcuse, 1991, p.5).

Marcuse phê phán tính hợp lý công nghệ ở chỗ nó thao túng mục đích vận hành của hệ thống công nghệ. Công nghệ đáng ra phải giải phóng con người khỏi sự tha hoá lao động và nhu cầu giả tạo, thì trên thực tế, lại mở rộng sự kiểm soát lên cả “thời gian lao động và thời gian rảnh rỗi, lên nền văn hoá vật chất và tinh thần” (Herbert

Marcuse, 1991, p.5) của con người. Để tạo ra một xã hội toàn trị hiệu quả, tính hợp lý công nghệ đã nhào nặn các nhu cầu của con người và tổ chức đời sống xã hội để con người tự đồng nhất mình với những nhu cầu đó. Nó khiến con người chỉ “nhận ra chính mình trong những hàng hóa của họ, họ tìm thấy linh hồn mình trong chiếc ô tô, dàn âm thanh hi-fi, căn nhà nhiều tầng và các thiết bị nhà bếp” (Herbert Marcuse, 1991, p.11). Bằng việc thao túng nhu cầu của con người, tính hợp lý công nghệ khiến cho sự thống trị không còn bị cảm thấy như là sự áp bức, khiến sự phản kháng bị triệt tiêu. Con người không còn muốn đấu tranh để thay đổi hệ thống mà tự nguyện tích hợp với hệ thống.

Trong hệ thống đó, con người được tự do thoả mãn các nhu cầu. Xã hội còn khuyến khích họ thoả mãn chúng. Bằng cách này, tính hợp lý công nghệ làm tiêu tan khả năng phản kháng của quần chúng và duy trì trật tự hiện có. Marcuse gọi đó là “đàn áp thông qua giải tỏa” (Herbert Marcuse, 1991, p.59). Sự hiệu quả và tính tiện nghi mà xã hội đó tạo ra khiến con người không cảm thấy rằng mình bị áp bức, không cảm thấy được sự trói buộc đó là phi lý, là mất tự do. Trong hệ thống đó, “con người không còn cảm nhận, trải nghiệm chúng như sự tha hóa của mình, vì chúng được tự động thực hiện trong ứng xử quen thuộc, nên chúng được cảm nhận là điều mong muốn” (Nguyễn Chí Hiếu & Đỗ Minh Hợp, 2013, tr.172 - 173). Tính hợp lý công nghệ nhào nặn con người thành những “con người một chiều” không còn năng lực phản kháng và chiều cạnh phê phán. Nó thống trị con người một cách toàn diện không phải bằng sự cưỡng bức mà bằng đòi hỏi của tính hiệu quả. Với cơ chế ấy, “tính hợp lý công nghệ không triệt tiêu mà bảo vệ tính chính đáng của sự thống trị, và chân trời công cụ của lý tính mở ra một xã hội toàn trị mang tính duy lý” (Herbert Marcuse, 1991, p.162).

Kế thừa sự phê phán của Horkheimer, Adorno và Marcuse, trong tác phẩm Hướng tới một xã hội duy lý (Toward a rational society) (Jürgen Habermas, 1980), Jürgen Habermas cũng phê phán thực trạng xã hội hiện đại ngày càng bị chi phối bởi lý tính công cụ. Theo Habermas, trong xã hội đó, lý tính công cụ đã được tuyệt đối hoá, xâm lấn vào lĩnh vực chính trị và được thể chế hoá, biến xã hội thành xã hội kỹ trị. Dưới sự chi phối, định hướng của lý tính công cụ, khoa học - kỹ thuật không còn đơn thuần là lực lượng sản xuất mà bị chính trị hoá thành công cụ quyền lực, trong đó các quyết định chính trị và đạo đức ngày càng được nguy trang dưới hình thức các quyết định kỹ thuật. Habermas cho rằng, “nền chính trị mới của chủ nghĩa can thiệp nhà nước đòi

hỏi một sự phi chính trị hoá quần chúng” (Jürgen Habermas, 1980, p.103-104), đẩy quần chúng khỏi sự giao tiếp dân chủ. Quá trình kỹ trị hoá các quan hệ xã hội đã biến các vấn đề chính trị, đạo đức thành các vấn đề kỹ thuật, thành thử việc giải quyết chúng không còn dựa trên sự đối thoại tự do nữa, mà trở thành hoạt động độc quyền của các nhà quản lý, các chuyên gia theo các quy trình kỹ thuật bất biến.

Theo Habermas, trong xã hội tư bản hiện đại, lý tính công cụ đã biến khoa học và kỹ thuật đã trở thành một kiểu ý thức hệ mới – ý thức kỹ trị. Ý thức hệ mới này che giấu đi các lợi ích thống trị dưới cái mác của tính tất yếu khách quan và tất yếu kỹ thuật. Ý thức hệ này “tách rời sự tự thấu hiểu của xã hội khỏi khuôn khổ của hành động giao tiếp và khỏi các khái niệm về tương tác biểu tượng, để thay thế nó bằng một mô hình khoa học” (Jürgen Habermas, 1980, p.105), từ đó làm suy giảm lý tính giao tiếp cũng như làm lung lay nền móng của thể chế dân chủ.

3.1.2. Ý nghĩa của sự phê phán trong bối cảnh xã hội công nghệ hiện đại

Một là, sự phê phán lý tính công cụ giúp nhận thức rõ các hệ quả tiêu cực từ các công nghệ hiện đại

Đặc tính cố hữu của sản xuất tư bản chủ nghĩa là hướng tới tối đa hoá lợi nhuận. Trong bối cảnh cạnh tranh toàn cầu gay gắt hiện nay, mọi hoạt động từ sản xuất, trao đổi đến phân phối và tiêu dùng đều được đo bằng hiệu suất, đều được đánh giá từ tính hiệu quả và nhanh chóng. Sự tiện dụng, hiệu quả vẫn là quy chuẩn tối cao của mọi quy trình xã hội và lý tính công cụ vẫn là hình thức lý tính đặc trưng thống trị của xã hội hiện đại. Trong bối cảnh này, sự phê phán lý tính công cụ càng trở nên cấp thiết.

Trong xã hội công nghệ hiện đại, toàn bộ hệ thống công nghệ đều được thiết kế theo đòi hỏi của lý tính công cụ. Các công nghệ như AI, Big Data, tự động hóa, công nghệ giám sát hay các hệ thống quản trị thông minh đều vận hành theo cùng một quy luật, đó là ưu tiên tốc độ và hiệu quả, qua đó biến đời sống con người thành các quy trình có thể quản lý được về mặt kỹ thuật. Các thuật toán trong các nền tảng mạng xã hội dựa trên dữ liệu hành vi của người dùng để đề xuất các nội dung nhằm định hướng nhận thức, nhu cầu của người dùng và tối đa hóa thời gian sử dụng để thu lợi nhuận. Các thuật toán dùng trong quản lý lao động được thiết kế để tối ưu hóa năng suất bằng cách kiểm soát chặt chẽ người lao động, chấm điểm, phân loại họ bằng các chỉ

số, còn dữ liệu lớn có thể thu thập dữ liệu cá nhân của người dùng để chuyển hóa chúng thành các lợi ích kinh tế. Ở đây, lý tính công cụ thấm sâu vào hệ thống công nghệ hiện đại, quyết định mục đích sử dụng và cách thức vận hành của chúng. Sự thâm thấu của lý tính công cụ thể hiện ở chỗ các công nghệ này chỉ quan tâm đến tiện ích và lợi nhuận, là những hệ quả có thể đo lường được, trong khi những hệ quả khó định lượng, như sự xói mòn quan hệ giữa người với người, sự bất bình đẳng, hay sự suy giảm cá giá trị đạo đức thì không phải là đối tượng quan tâm chính yếu của nó.

Giống như Horkheimer và Adorno lên án ngành công nghiệp văn hóa, các công nghệ hiện đại không chỉ phục vụ nhu cầu đã có mà còn sản xuất ra nhu cầu. Nó hình thành lối sống và chuẩn mực xã hội, khiến con người dần thích nghi với các hệ thống kỹ trị thay vì chất vấn chúng. Các công nghệ này ngày càng thâm nhập vào quản trị nhà nước, lao động, giáo dục và đời sống riêng tư khiến sự thống trị không còn thể hiện ở mệnh lệnh trực tiếp mang tính cưỡng chế mà tồn tại dưới hình thức các quy trình kỹ thuật. Có thể thấy các công nghệ như AI, Big Data không chỉ tối ưu hóa lợi nhuận mà còn thao túng hành vi của con người và kiểm soát xã hội. Trong tương lai gần, với tính ưu việt của mình, AI có thể dần thay thế con người nhiều hơn trong việc ra quyết định và quản lý. Khi đó, các vấn đề chính trị, đạo đức bị máy móc hoá và được giải quyết bởi công nghệ, trong khi con người dần bị đẩy khỏi các cuộc thảo luận dân chủ. Nếu trước đây, các triết gia trường phái Frankfurt từng phê phán lý tính công cụ ở chỗ tạo ra một xã hội toàn trị và triệt tiêu chiều cạnh phê phán của quần chúng, thì công nghệ AI là hình thức hiện đại của nó. Với khả năng thao túng nhận thức và cảm xúc, AI làm con người ngày càng lệ thuộc vào các quyết định của nó, ngày càng bị bào mòn tính tự trị và năng lực phản tư.

Với sự chi phối của lý tính công cụ, công nghệ sinh học cũng có nguy cơ rơi vào chủ nghĩa kỹ trị sinh học, trong đó sự sống chỉ được nhìn nhận như một hiện tượng kỹ thuật cần được tối ưu hoá. Chẳng hạn, bằng công nghệ chỉnh sửa gen, các bậc cha mẹ có thể đặt yêu cầu cho sự ra đời của những em bé được thiết kế. Lúc này, sự sống sinh học của con người vốn là một giá trị nội tại lại trở thành một mục tiêu cần được tối ưu hóa của công nghệ sinh học. Đặc tính kỹ trị của công nghệ sinh học hiện đại khiến nó có xu hướng giản lược con người, nhìn sự sống chỉ như những đoạn mã gen có thể can thiệp và đối xử với con người như những sản phẩm công nghệ, hay thậm chí như những hàng hoá. Nó chỉ nhìn sự sống dưới góc độ kỹ thuật, ở đó gen, phôi, tế bào gốc

trở thành nguồn nguyên liệu thô cho sự nhào nặn, thiết kế. Trong tác phẩm Tương lai của bản chất con người, (The future of human nature) (Jürgen Habermas, 2003), Habermas gọi đây là quá trình “công cụ hoá bản chất con người” (Jürgen Habermas, 2003, p.42). Từ thao túng tự nhiên, lý tính công cụ đẩy con người đến chỗ thao túng cả chính bản chất sinh học của mình. Sự nguy hại của chủ nghĩa kỹ trị sinh học là ở chỗ nó làm con người mất đi cảm xúc đạo đức và bào mòn ý nghĩa đạo đức của sự sống, khiến con người chỉ nhìn đồng loại như những cỗ máy sinh học hay những hiện tượng công nghệ.

Trong xã hội công nghệ hiện đại, với đòi hỏi của lý tính công cụ, con người đề cao tiện ích và năng suất đến mức từ bỏ chất vấn về mục đích và ý nghĩa. Họ tự biến mình thành một mắt xích trong bộ máy khổng lồ mà chính mình cũng không hiểu mục đích và ý nghĩa thực sự, ngoại trừ việc làm cho bộ máy đó ngày càng hiệu quả hơn. Một mặt, lý tính công cụ đặt ra những đòi hỏi, yêu cầu trong việc thiết kế các công nghệ hiện đại nhưng mặt khác, tính ưu việt của các công nghệ hiện đại lại tạo ra môi trường hiệu quả, lý tưởng để củng cố sự thống trị, vận hành của lý tính ấy.

Hai là, ý nghĩa cảnh báo và thức tỉnh

Sự phê phán lý tính công cụ của các triết gia trường phái Frankfurt không đồng nghĩa với sự phủ định hoàn toàn bản thân nó. Lý tính công cụ vẫn cần thiết trong những khuôn khổ nhất định, khi cần tính toán các hiệu quả kinh tế hay lợi ích kỹ thuật. Sự phê phán này cũng không đồng nghĩa với việc đi đến chủ nghĩa phi duy lý hay phủ nhận khoa học - công nghệ. Họ phê phán lý tính công cụ ở chỗ nó đã vượt khỏi ranh giới của mình, biến thành một hệ tư tưởng, tạo ra một xã hội toàn trị làm triệt tiêu năng lực phê phán của chính lý tính. Sự phê phán này còn mang giá trị cảnh báo và ý nghĩa thức tỉnh sâu sắc. Nó cảnh báo về nguy cơ các giá trị như tự do, dân chủ và phẩm giá cá nhân bị xói mòn và con người bị tha hoá, thống trị bởi chính những hệ thống công nghệ mà họ tạo ra. Đồng thời, thông qua sự phê phán đó, các nhà triết học trường phái Frankfurt cũng đặt ra yêu cầu phá bỏ trạng thái chấp nhận thực tại, không ngừng đặt câu hỏi về mục đích và ý nghĩa của mọi công nghệ, qua đó phục hồi năng lực phê phán của lý tính.

3.2. Thảo luận

Có thể thấy, kết quả nghiên cứu trên có một số ý nghĩa sau:

Từ phương diện lý luận, nghiên cứu cho thấy, mặc dù các luận điểm của các đại biểu trường phái Frankfurt được hình thành chủ yếu trong bối cảnh thế kỷ XX, nhưng các khái niệm như lý tính công cụ, tính hợp lý công nghệ, công cụ kỹ trị vẫn chứa đựng những giá trị lý luận và phương pháp luận quan trọng trong việc giải thích những vấn đề của xã hội công nghệ hiện đại. Ở trường phái Frankfurt, lý tính công cụ không chỉ là một phương thức tư duy mà còn phát triển thành một cơ chế vận hành của xã hội hiện đại, gây ra sự tha hóa, thao túng và kiểm soát con người một cách tinh vi. Bằng việc ưu tiên các lợi ích kinh tế và hiệu quả kỹ thuật thực dụng, lý tính này đã thẩm thấu, thấm sâu vào mục đích thiết kế và cách thức vận hành của các công nghệ hiện đại. Trong xã hội hiện đại, dưới sự chi phối của lý tính công cụ, các thành tựu công nghệ như trí tuệ nhân tạo, dữ liệu lớn và các thuật toán đều có thể trở thành công cụ kiểm soát, định hướng và thao túng con người nhằm phục vụ cho các lợi ích kinh tế - kỹ thuật.

Về mặt thực tiễn, sự phê phán lý tính công cụ của trường phái Frankfurt có ý nghĩa cảnh báo đối với quá trình phát triển và ứng dụng khoa học - công nghệ hiện đại. Trong xã hội công nghệ hiện đại, các công nghệ thường được đánh giá chủ yếu theo các đòi hỏi của lý tính công cụ như tối ưu hóa tiện ích và hiệu quả. Khi đó, công nghệ có thể chuyển từ công cụ phục vụ con người thành phương tiện kiểm soát và thao túng, gây ra những hệ quả tiêu cực. Đối với mỗi cá nhân, sự phê phán lý tính công cụ và đòi hỏi khôi phục năng lực phê phán của lý tính cũng nhắc nhở mỗi người về yêu cầu tích hợp nhân quan mục đích và giá trị vào quá trình sử dụng công nghệ, qua đó tránh tình trạng bị lệ thuộc và thao túng bởi công nghệ.

4. Kết luận

Theo quan điểm của trường phái Frankfurt, lý tính công cụ là hình thức lý tính bị tước bỏ khả năng định hướng về giá trị và bị thu hẹp thành phương tiện tính toán lợi ích kinh tế - kỹ thuật thực dụng. Các nhà tư tưởng trường phái Frankfurt cho rằng, lý tính công cụ lúc này không còn phục vụ cho lý tưởng khai sáng và giải phóng con người nữa mà đã bị tha hóa, trở thành phương tiện kiểm soát và thống trị con người, biểu hiện là khoa học - công nghệ bị đặt dưới các mệnh lệnh kinh tế - kỹ thuật thuần túy, còn các vấn đề chính trị - đạo đức được diễn giải thành các vấn đề kỹ thuật.

Xã hội tư bản càng phát triển mạnh mẽ bao nhiêu thì trước đòi hỏi của lý tính công cụ, khoa học - công nghệ trong xã hội ấy càng dễ trở thành công cụ kỹ trị đơn thuần bấy nhiêu. Trong bối cảnh này, sự phê phán cũng đặt yêu cầu phải định hướng sự phát triển khoa học - công nghệ theo các giá trị đạo đức. Đây là điều kiện để khoa học - công nghệ trở thành phương tiện phục vụ sự phát triển tự do và toàn diện của con người./.

Tài liệu tham khảo

1. Habermas, J. (1980). Toward a rational society. Heinemann Educational Books Ltd, pp. 103-105.
2. Habermas, J. (2003). The future of human nature. Polity Press, p. 42.
3. Nguyễn Chí Hiếu - Đỗ Minh Hợp. (2013). Chủ nghĩa Mác phương Tây (Trường phái Frankfurt). Nhà xuất bản Tôn giáo, tr. 28, 172-173
4. Horkheimer, M. (2004). Eclipse of reason. Continuum Publishing Company, pp. 3, 6, 10, 64, 74, 96.
5. Horkheimer, M., & Adorno, T. W. (2002). Dialectic of enlightenment. Stanford University Press, pp. 19, 23, 29, 94, 100, 118.
6. Marcuse, H. (1991). One-dimensional man. Beacon Press, pp. 5, 11, 59, 162